TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN TỈNH HÀ TĨNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 59/2018/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Xuyên, ngày 14 tháng 6 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 65/2018/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1981

Trú quán: thôn 4, xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1976

Trú quán: thôn 4, xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 24; Khoản 7, Điều 26; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 7 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 7 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn Ch.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị Trần Thị A và anh NguyễnVăn Chương nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con cái: Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn Ch thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con như sau:

Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh Ph, sinh ngày 17/6/2001 và cháu Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 15/7/2011 cho chị Trần Thị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Ph và cháu Kh trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn Thị Th, sinh ngày 24/11/2005 và cháu Nguyễn Văn Ng, sinh ngày 26/01/2008 cho anh Nguyễn Văn Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Th và cháu Ng trưởng thành.

Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị A và anh Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn Ch thống nhất thỏa thuận trong quá trình chung sống vợ chồng có tạo lập được một số tài sản chung và nợ chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận phân chia như trong Biên bản thỏa thuận phân chia tài sản chung và nợ chung của vợ chồng lập ngày 5 tháng 6 năm 2018. Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn Ch đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng vào Quyết định. Chị A và anh Ch thỏa thuận như sau:

Về việc phân chia tài sản chung như sau:

Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận trị giá nhà, đất và các công trình phụ cận liền kề có trị giá 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

- Anh Nguyễn Văn Ch được quyền quản lý và sử dụng 01 mảnh đất có diện tích 470m^2 đất mua của ông Cổn đã có thủ tục đầy đủ nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 ngôi nhà 2 gác xây gạch đổ bằng có diện tích 180m^2 các công trình phụ cần liền kề.

- Anh Nguyễn Văn Ch được quyền quản lý và sử dụng các đồ dùng sinh hoạt gồm: 01 tủ ly, 01 bếp ga+ bình ga; 01 gường, 01 tủ đựng quần áo; 01 xe máy và toàn bộ cốt pha.

Anh Nguyễn Văn Ch phải đưa lại tiền chênh lệch tài sản cho chị Trần Thị A số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Chị Trần Thị A được nhận ở anh Nguyễn Văn Ch 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản.

Nhưng được khấu trừ số tiền 290.000.000đ (Hai trăm chín mươi triệu đồng) mà anh Nguyễn Văn Ch đã đưa cho chị Trần Thị A tại biên bản giao nhận ngày 7/6/2018. Chị Trần Thị A đã nhận đủ số tiền trên. Nay anh Nguyễn Văn Ch còn phải đưa tiếp cho chị An số tiền còn thiếu 60.000.000đ (Sáu mười triệu đồng) tiền chênh lệch tài sản.

- Chị Trần Thị A được quyền quản lý và sử dụng: 01 tivi hiệu LG; 01 bếp ga + bình ga; 01 tủ lạnh ; 01 máy lọc nước, 01 gường và 01 chiếc xe máy và các đồ dùng sinh hoạt khác trong gia đình.

- Về đất sản xuất nông nghiệp có diện tích 03 sào (chưa có bìa): Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nghĩa vụ trả các khoản nợ chung của vợ chồng: Chị Trần Thị A có nghĩa vụ trả các khoản nợ chung của vợ chồng như sau:

- Trả nợ cho anh Nguyễn Văn T, có địa chỉ tại: xóm 10, xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 60.000.000 (Sáu mươi triệu đồng) không kể lãi phát sinh.

* Anh Nguyễn Văn Ch có nghĩa vụ trả các khoản nợ chung của vợ chồng như sau:

- Trả nợ anh Trần Quang Tr, có địa chỉ tại: xóm 4, xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu đồng) kể cả lãi phát sinh.

- Trả nợ anh chị C, D, có địa chỉ: xóm 3, xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 5.000.000 (Năm triệu đồng) không kể lãi phát sinh.

- Trả nợ anh chị Tr, C có địa chỉ: xóm 3, xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh số tiền 3.000.000 (Ba triệu đồng) không kể lãi phát sinh.

- Trả nợ anh Ngh, T địa chỉ: xóm 2, xã Cẩm Hà, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh 5 tấn xi măng.

- Về án phí: Chị Trần Thị A và anh Nguyễn Văn Ch thống nhất thỏa thuận chị An có nghĩa vụ nộp 150.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, theo biên lai thu tiền số 0000686 ngày 23/5/2018. Trả lại cho chị Trần Thị A 150.000đ đồng tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật anh Nguyễn Văn Ch có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Ch theo quy định của luật đất đai hiện hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6; điều 7 và điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện CX;
- Chi Cục T.H.ADS huyện CX;
- UBND xã Cẩm Hà để xóa tên trong sổ ĐKKH số 21 ngày 2/10/1999);
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN
THẨM PHÁN

Trần Đức Đống